

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ST, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phước

Các vị Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đinh Huy Đồi;

2. Bà: Bùi Thị Anh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Thanh Hòa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đồng Việt Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ST, tỉnh QN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST - HS ngày 25 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/HSST - QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Huỳnh Lâm S (H), sinh năm 1991, tại xã NT, huyện TN, tỉnh QN; nơi cư trú: Thôn AN, xã NT, huyện TN, tỉnh QN; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Lâm X và bà Nguyễn Thị T; có vợ tên: Đinh Thị X và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang chấp hành Thi hành án theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số: 14/2018/QĐ - CA ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện SH, có lệnh trích xuất ngày 18/12/2018, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Phạm Thành T, sinh năm 1964; nơi cư trú tại: Thôn TV, xã SD, huyện ST, tỉnh QN, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Phạm Quốc B, sinh năm 1991; nơi cư trú tại: Thôn Mỹ Thạnh N, xã NT, huyện TN, tỉnh QN, vắng mặt.

+ Anh Trương Quang L, sinh năm 1971; nơi cư trú tại: Tổ 23, Phường QP, TP QN, tỉnh QN, có mặt.

+ Ông Lê Thành P, sinh năm 1965; nơi cư trú tại: Thôn MP, xã NT, huyện TN, tỉnh QN, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/12/2017, Huỳnh Lâm S đi xe buýt từ xã NT, huyện TN, tỉnh QN lên huyện Sơn Tây thăm chơi tại nhà chị Đặng Thị H và chơi game tại tiệm Internet của ông Phạm Thành T mãi đến khoảng 1 giờ sáng ngày 07/12/2017 thì nhận tin nhắn qua Facebook của Phạm Quốc B rủ S về nhà B nên S nghỉ chơi ra đường đón xe xin quá giang về nhà B. Trong lúc đón xe, S nhớ lại chiếc xe mô tô BKS 76H1 - 9080, hiệu Dream để trước cửa tiệm Internet không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, S quay lại tiệm Internet lên xe máy của ông T khởi động nhưng xe máy không nổ nên S rút đứt dây ổ khóa điện trong xe rồi khởi động cho xe máy nổ xong điều khiển xe chạy về nhà B. Tại nhà B, B và S ngồi chơi nói chuyện, B hỏi S xe máy của ai, S nói xe máy của đứa em ở huyện ST cho và đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày S hỏi B “có ma túy không”, B nói “không có, cầm xe nhen” S đồng ý. S tìm trong nhà B lấy 01 kim bấm và 01 tuốc nơ vít còn B sang nhà bên cạnh lấy BKS 76V3 -1656 của ông Lê Thành P để ở vỉa hè mang về cùng S tháo gỡ BKS 76H1 - 9080, gắn BKS 76V3 -1656 vào xe ông T, xong B đem chiếc xe máy này thế chấp cho ông C không rõ họ và địa chỉ với số tiền 500.000 đồng đi mua ma túy đá của một cửa người phụ nữ không rõ họ tên, tại khu vực Phường QP, thành phố QN, mang về cùng S sử dụng. Sáng ngày hôm sau, S đến uống café tại tiệm NH, xã NK, huyện TN gặp anh Trương Quang L mượn 2.000.000 đồng nhưng anh L không đồng ý, S nói đem xe máy để làm tin thì anh L đồng ý và đưa cho S mượn 500.000 đồng, S đến ông C chuộc lại xe máy và thế chấp cho anh L, anh L đưa tiếp cho S 1.500.000 đồng và viết giấy mượn tiền thế xe anh L giữ.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông T làm đơn báo mất tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện ST đã tiến hành điều tra và thu giữ chiếc xe máy này tại nhà anh Trương Quang L.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, tỉnh QN bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 25/HĐĐG ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện ST, tỉnh QN kết luận: 01 chiếc xe mô tô mang BKS 76H1 - 9080, nhãn hiệu Dream; màu: Nâu; số máy: 0359633; số khung: 0359633, có giá trị tại thời điểm tháng 12/2017 là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Bản cáo trạng số: 18/CT - VKSST ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh QN truy tố bị cáo Huỳnh Lâm S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Huỳnh Lâm S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS và đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo S đã gây ra và áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo Huỳnh Lâm S mức án tù 06 (Sáu) đến 08 (Tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản ” và áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55

của BLHS tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Quốc B cùng với bị cáo S thay đổi biển số vào xe máy do S phạm tội mà có và đem đi thế chấp để lấy tiền đi mua ma túy về cùng S sử dụng. Quá trình điều tra, xác định Phạm Quốc B không biết chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080 do S trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Riêng việc B đi mua “ma túy đá” của người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ ở khu vực sân bay phường QP về cùng Soạn sử dụng, Cơ quan điều tra chưa xác định được đối tượng bán “ma túy”. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST tiếp tục xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với Trương Quang L, là người nhận cầm thế chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080 đã được thay BKS 76V3 - 1656 của ông P, do Huỳnh Lâm S đem đến với số tiền 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, anh Lợi không biết chiếc xe này do S trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên “C”, là người nhận cầm thế chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080 gắn thay biển kiểm soát 76V3 - 1656, do Phạm Quốc B mang đến và đã được Schuộc lại. Đối tượng “C” không rõ họ và địa chỉ nơi cư trú rõ ràng nên cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ đề xuất xử lý sau là phù hợp.

- Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST đã tạm giữ gồm:

+ 01 (một) xe máy, nhãn hiệu: Dream, màu sơn nâu, số khung: 0359633, số máy: 0359633 có gắn BKS 76V3 - 1656 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST gắn lại BKS 76H1 - 9080 đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật nên không xét.

+ 01 Biển kiểm soát xe mô tô số 76V3 - 1656 của ông Lê Thành P để ở vỉa hè mà S lấy gắn vào xe máy của ông Phạm Thành T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 kim bấm và 01 tuốc nơ vít mà Phạm Quốc B, Huỳnh Lâm S sử dụng để tháo, thay đổi biển kiểm soát gắn vào xe máy của ông T do S trộm cắp. Quá trình làm việc, B đã vứt bỏ các công cụ này không xác định ở vị trí nào. Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xét đến.

- Về dân sự: Huỳnh Lâm S đã đem chiếc xe mô tô 76H1 - 9080 cầm thế cho Trương Quang L để lấy số tiền 2.000.000 đồng. Quá trình điều tra, anh L có yêu cầu Huỳnh Lâm S phải trả lại cho anh số tiền nêu trên nhưng tại phiên tòa anh L không yêu cầu nên không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo S thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bị oan sai. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận, người bị hại không yêu cầu.

Lời nói sau cùng của bị cáo S là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ST, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Lâm S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xuất phát vì ăn chơi liêu lỏng lại muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 1 giờ sáng ngày 07/12/2017, bị cáo S lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu nên đã lén lút trộm lấy chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080, nhãn hiệu: Dream, màu: Nâu của ông Phạm Thành T đưa cho Phạm Quốc B đem thế chấp cho ông C lấy 500.000 đồng mua ma túy đá cùng B sử dụng, song bị cáo chuộc lại xe máy đem thế chấp cho anh L lấy 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Tài sản bị cáo trộm cắp đã được Hội đồng định giá có giá trị là 7.000.000 đồng. Lời khai nhận tội của bị cáo nêu trên là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Xét bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, về hành vi có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo Huỳnh Lâm S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ST, tỉnh QN truy tố bị cáo Huỳnh Lâm S về tội “Trộm cắp tài sản” và lời luận tội của kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo lười nhác lao động, ăn chơi liêu lỏng lại muốn có tiền tiêu xài nên đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, trộm lấy tài sản của ông Phạm Thành T đem thế chấp lấy tiền nhằm mục đích vụ lợi. Mặc dù bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội là xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và rèn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo và tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo S phạm tội lần này xảy ra trước hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 14/2018/HSST, ngày 13/11/2018 của TAND

huyện SH, tỉnh QN xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và đang chấp hành hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số: 14/2018/HSST, ngày 13/11/2018 của TAND huyện SH, tỉnh QN. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của BLHS, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với Phạm Quốc B là người cùng với bị cáo S thay đổi BKS 76V3 - 1656 vào xe máy BKS 76H1 - 9080 và đem xe máy thế chấp lấy tiền mua ma túy đá về cùng S sử dụng. B hoàn toàn không biết chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080 do Strộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với B là có cơ sở.

Riêng việc B đi mua “ma túy đá” của một người phụ nữ không rõ họ tên, địa chỉ ở khu vực sân bay phường QP về cùng S sử dụng. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST chưa xác định được đối tượng bán “ma túy đá” và đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ hành vi để xử lý sau là phù hợp.

[7] Đối với đối tượng tên “C” nhận cầm thế chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080 đã được thay BKS 76V3 - 1656 do Phạm Quốc B đem đến là tài sản bị cáo S trộm cắp. Đối tượng “C” không rõ họ, địa chỉ nơi cư trú. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST đang tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ sự việc, xử lý sau là có cơ sở chấp nhận và đối với anh Trương Quang L cũng là người nhận cầm thế chiếc xe máy này với số tiền là 2.000.000 đồng, anh L hoàn toàn không biết đây là tài sản do bị cáo S trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh L là có căn cứ.

[8] Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, tỉnh QN đã trả lại chiếc xe mô tô BKS 76H1 - 9080, nhãn hiệu Dream, màu sơn nâu, số khung: 0359633, số máy: 0359633 cho ông Phạm Thành T nhận là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 Biên kiểm soát xe mô tô số 76V3 - 1656 của ông Lê Thành P để ở vỉa hè, S lấy gắn vào xe máy của ông Phạm Thành T, nhằm tránh việc phát hiện tài sản mình trộm cắp để đem đi thế chấp. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sẽ tuyên trả cho chủ sở hữu.

Đối với 01 kim bấm và 01 tuốc nơ vít là công cụ mà B và S sử dụng để tháo, thay đổi biên kiểm soát vào xe máy của ông T do Strộm cắp. B đã vứt bỏ các công cụ này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Thành T đã nhận lại chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080, không yêu cầu gì và anh Trương Quang L đưa Huỳnh Lâm S nhận 2.000.000 đồng trong việc nhận cầm thế chiếc xe BKS 76H1 - 9080, tại phiên tòa anh L cũng không yêu cầu bị cáo S trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Lâm S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Lâm S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Lâm S 07 (Bảy) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 12 (Mười hai) tháng tù của bản án số: 14/2018/HSST, ngày 13/11/2018 của TAND huyện SH, buộc bị cáo Huỳnh Lâm S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 (Mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/7/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ST, tỉnh QN đã trả lại chiếc xe máy BKS 76H1 - 9080, nhãn hiệu Dream, màu sơn nâu, số khung: 0359633, số máy: 0359633 cho ông Phạm Thành T nhận là chủ sở hữu hợp pháp. Tuyên trả một biển kiểm soát 76V3 - 1656 cho ông Lê Thành P.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, Điều 23 Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Huỳnh Lâm S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện ST 2
- Công an huyện ST 3
- TAND tỉnh QN.
- VKSND tỉnh QN.
- Sở Tư pháp tỉnh QN.
- Chi cục THA DS huyện ST
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã NT.
- Lưu hồ sơ + THAH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Phước